TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 tháng 4 năm 2023
V/v "tranh chấp vê thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Vi Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cáp Thị Quyên

2. Bà Giáp Thị Hiền

- Thư ký phiên toà:Ông Đặng Xuân Trường – Thẩm tra viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc: "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2023, giữa:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị H, sinh năm 1990

Nơi cư trú: thôn Đ, xã D, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. Bị đơn: anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1987

Nơi cư trú: thôn Kh, xã Ph huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2023 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Trịnh Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức C kết hôn năm 2008 và sinh được 3 người con là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 04/11/2009, Nguyễn Gia B, sinh ngày 06/10/2012, Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 01/7/2014. Do vợ chồng không có hạnh phúc nên năm 2021 chị và anh C đã giải quyết ly hôn.Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số:

22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021, đã quyết định: Về quan hệ hôn nhận: chị Trần Thị H và anh Nguyễn Đức C thuận tình ly hôn. Về con chung: Giao chị Trần Thị H nuôi 03 con chung là: Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 04/11/2009, Nguyễn Gia B, sinh ngày 06/10/2012, Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 01/7/2014. Anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

Sau ly hôn, chị đưa cả 3 con về ở chung cùng bố mẹ đẻ và vợ chồng em dâu tại thôn Đ, xã D, huyện phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, tuy nhiên các con vẫn đi học tại Phúc Sơn. Trong thời gian chị nuôi con thì anh C không chu cấp nuôi con, thi thoảng có công việc thì các con có về nhà bố. Sau thời gian sống chung cùng gia đình bố mẹ đẻ thì có nhiều vấn đề khó khăn, nên tháng 11 năm 2022 chị đã đưa các con đi thuê nhà ở tại thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang cho đến nay, trong thời gian chị nuôi các con vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường, được ăn học đầy đủ, đến khoảng tháng 01 năm 2023 thì cháu B và cháu B về ở cùng bố và ông bà nội tại thôn Khách Châu, xã Phúc Sơn, huyện T, tỉnh Bắc Giang cho đến nay. Đến nay việc học của các con không có gì thay đổi.

Lý do chị yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là: Bản thân chị hiện nay không có đất và nhà ở, chị đang đi thuê nhà để ở. Nay do điều kiện hoàn cảnh của chị khó khăn không có công ăn việc làm ổn định, trước chị làm công ty Sam Sung tại Bắc Ninh, đến tháng 01 năm 2023 công ty Sam Sung đang cho công nhân nghỉ việc đến hết hợp đồng thì cho nghỉ hẳn, do công ty đang có kế hoạch chuyển trụ sở làm việc, hiện nay chị đang hưởng lương thất nghiệp là 2.500.000 đồng/ tháng, bản thân chị chưa đi làm ở đâu. Bản thân chị không đủ điều kiện để nuôi cả 3 con chung, nếu các con ở cùng chị thì chị không lo được cho các con đầy đủ, cuộc sống bấp bênh nên chị chỉ nuôi được 01 con là cháu Q. Bản thân anh C và hai cháu B, B đang ở cùng bố mẹ anh C, nếu con ở cùng anh C thì các con còn có nơi ở ổn định, cuộc sống không phải nay đây mai đó, sinh hoạt của cháu B, cháu B ổn định, đảm bảo và có cuộc sống tốt hơn. Anh C đi nhận công trình xây dựng có thu nhập công việc ổn định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Chị yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con là: Giao cho anh Nguyễn Đức C trực tiếp nuôi hai con là Nguyễn Gia B, sinh ngày 06/10/2012, Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 01/7/2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H có mặt và vẫn giữ nguyên các yêu cầu trên.

Bị đơn anh Nguyễn Đức C vắng mặt:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã đến địa phương và gia đình anh C làm việc, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh C do ông Nguyễn Đình Nhận, sinh năm 1963, nơi cư trú: thôn Khánh Châu, xã Phúc Sơn, huyện T, tỉnh Bắc Giang là bố để nhận thay và cam kết đã thông báo, giao lại cho con ông. Tuy nhiên anh C đã không đưa ra ý kiến để cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa anh C vắng mặt.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định. Đối với những người tham gia tố tụng: Các đương sự nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn chưa chấp hành không đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, không đến tham gia phiên tòa xét xử.

Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H: Giao cho anh Nguyễn Đức C trực tiếp nuôi hai con là Nguyễn Gia B, sinh ngày 06/10/2012, Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 01/7/2014. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên HĐXX không đề cấp xem xét giải quyết.

Về quyền thăm con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này được quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Do yêu cầu của chị H được Tòa án chấp nhận nên chị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh C phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Đức C có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bắc Giang. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang là đúng qui định.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Chị Trịnh Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết "tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" với anh Nguyễn Đức C nên căn cứ vào khoản 3 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là: "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn"

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Đức C đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên anh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ các Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là đúng qui định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị H và anh C kết hôn với nhau năm 2008 vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H và anh C đã làm đơn ra Tòa án giải quyết việc ly hôn tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021, về con chung giao chị Trần Thị H nuôi 03 con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 04/11/2009, Nguyễn Gia B, sinh ngày 06/10/2012, Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 01/7/2014. Anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H. Quá xác minh, làm việc với địa phương, gia đình thì ông Nguyễn Đình Nhận, sinh năm 1963, nơi cư trú: thôn Khánh Châu, xã Phúc Sơn, huyện T, tỉnh Bắc Giang là bố để anh C xác nhận cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 06/10/2012, Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 01/7/2014 do bố đẻ anh C đang trực tiếp nuôi từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay, hiện hai cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường, cuộc sống của hai cháu ổn định, trước đến nay hai cháu học tại xã Phúc Sơn, gia đình đề nghị giao hai con cho anh C trực tiếp nuôi, anh C đồng ý. Hai con Nguyễn Gia B và Nguyễn Hoàng B đều có nguyện vọng được ở cùng bố C. Anh C có nơi ở ổn định, có thu thập, bản thân chị Trần Thị H không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nưỡi dưỡng, giáo dục hai con. Do vậy xét yêu cầu về thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn của chị H là có căn cứ cần chấp nhận là phù hợp với quy định tài Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của chị H được chấp nhận nên chị H không phải chịu tiền án phí, anh C phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy

định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên dơn chị Nguyễn Thị H về việc: "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn".

Giao cho anh Nguyễn Đức C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2012 và Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị Trần Thị H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Trả lại chị Trần Thị H 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại theo biên lai số 0011941 ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Anh Nguyễn Đức C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự.

4.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều

9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyệnT;
- UBND xã Phúc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vi Thị Hương Giang